

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀNG MAI
TP. HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **76/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 24/12/2020
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân : **1. Bà Trần Thị Minh**

2. Bà Trần Thị Lan

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc**

- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai

Đại diện VKSND quận Hoàng Mai - TP Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Vũ Ngọc T - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai - thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 723/2020/HSST ngày 06/10/2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2020/QĐXXST - HS ngày 25/11/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2020; giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T-** sinh năm 1989

HKTT và nơi ở: Phòng 1504 Tòa D2, phường Đ, quận H, Hà Nội (có mặt)

- **Bị đơn: Anh Dương Ngọc L-** sinh năm 1984

HKTT và nơi ở: Phòng 1504 Tòa D2, phường Đ, quận H, Hà Nội (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Dương Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/01/2018 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Đây là lần kết hôn đầu tiên của hai vợ chồng. Sau khi

kết hôn hai anh chị sống tại địa chỉ số Phòng 1504 Tòa D2 Vinaconex, khu đô thị Kim Văn, Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội, đây là nhà của anh L mua trước khi kết hôn.

Quá trình chung sống, theo chị T trình bày: giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác nhau về quan niệm chăm sóc con cái đến vấn đề kinh tế chi tiêu trong gia đình. Chồng không hề quan tâm và không chia sẻ công việc với vợ, không đưa tiền cho vợ chi tiêu trong gia đình. Mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu thường xuyên xảy ra mà không thể hòa hợp được. Việc anh L nói chị ngoại tình là không đúng, giữa chị và người đàn ông kia chưa xảy ra vấn đề gì, hai bên mới chỉ đang nói chuyện với nhau. Mọi tin nhắn giữa anh L với chị do anh L sao chụp, gửi cho Tòa đều là những lời nói lúc chị đang không bình tĩnh, do anh L ép chị phải nhận tội ngoại tình nên chị không chịu được mới có những tin nhắn như vậy.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Dương Quang N, sinh ngày 14/9/2018. Khi ly hôn, chị muốn trực tiếp nuôi con vì con còn quá nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Về cấp dưỡng nuôi con: chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.. Hiện chị làm tại Bệnh viện Phổi Trung Ương, mức lương khoảng 10.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung : Anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

• **Bị đơn là anh Dương Ngọc L trình bày:** Anh xác nhận quá trình kết hôn, thời gian chung sống như chị T trình bày. Theo anh, vấn đề là do mâu thuẫn giữa mẹ chồng và con dâu, vợ anh là người nóng nảy, anh có khuyên vợ cũng không nghe, cãi láo với mẹ chồng. Vấn đề kinh tế, anh chỉ muốn minh bạch rõ ràng. Lúc đầu, anh L không đồng ý ly hôn vì muốn hòa giải và muốn con cái có đủ cả bố và mẹ chăm sóc. Tuy nhiên, sau này, anh L phát hiện chị T ngoại tình nên anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh L xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là cháu Dương Quang N, sinh ngày 14/9/2018. Khi ly hôn, anh muốn trực tiếp nuôi con vì anh cho rằng, chị T không đủ điều kiện về vật chất, không đủ tư cách đạo đức để nuôi dưỡng con. Về cấp dưỡng nuôi con: anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh làm tại công ty Toshiba, mức lương khoảng 30.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh cũng thống nhất hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ chung: Anh cam kết hai vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

+ **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội ngày 18/01/2018. Đây là lần kết hôn đầu tiên của cả hai anh chị. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp giữa chị T và anh L. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh L thống nhất thuận tình ly hôn, đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai anh chị.

+ **Về con chung:** Xác định anh chị có 01 con chung Dương Quang N, sinh ngày 14/9/2018. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, con chung của anh chị dưới 36 tháng tuổi, chị T lại chứng minh có đầy đủ điều kiện nuôi con, đề nghị Tòa án áp dụng điều 81 luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh, chị tự thỏa thuận nên tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con chung với anh L.

+ **Về tài sản chung:** Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

+ **Về nợ chung:** Anh, chị cam kết không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết

+ **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị T xin ly hôn với anh Dương Ngọc L, anh L đang trú tại địa chỉ: Phòng 1504 Tòa D2 Vinaconex, khu đô thị Kim Văn, Kim Lũ, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Dương Ngọc L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội ngày 18/01/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hợp pháp.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ và tài liệu Tòa án thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình hai bên thể hiện: vợ chồng chị T, anh L từ khi kết hôn đã phát sinh những mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về việc đối xử với họ hàng nội ngoại hai bên, mâu thuẫn về vấn đề chi tiêu trong gia đình, mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Vợ chồng đã không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải nhiều lần để anh chị đoàn tụ nhưng anh chị không tìm được tiếng nói chung chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh L trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L cung cấp cho Tòa án một số hình ảnh, băng ghi âm việc anh cho rằng chị T có quan hệ ngoại tình nhưng không có kết quả xử lý của cơ quan công an do vậy, không có căn cứ để xem xét ý kiến của anh L. Quá trình Tòa án hòa giải và tại phiên tòa, anh L và chị T thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L.

[3] Về con chung: Anh L và chị T cùng xác nhận trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Dương Quang N, sinh ngày 14/9/2018, con chung đang ở cùng với chị T và anh L. Khi ly hôn, chị T và anh L đều muốn được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu N hiện vẫn dưới 36 tháng tuổi, chị T là mẹ đẻ, có công ăn việc làm và thu nhập ổn định, có chỗ ở hợp pháp nên căn cứ vào khoản 3 điều 81 luật hôn nhân gia đình, giao con cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Đối với yêu cầu được nuôi con chung của anh L, nhận thấy: các tài liệu mà anh L cung cấp cho rằng chị T ngoại tình, không đủ tư cách đạo đức để nuôi con chỉ chứng minh cuộc sống của anh chị không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Việc ngoại tình của chị T theo như anh L trình bày không được cơ quan có thẩm quyền kết luận, do vậy Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị T, anh L đều không đề nghị nên Tòa án không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh, chị đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về khoản nợ chung: Anh, chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,55, 58 và điều 81,82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điều 28,35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ vào điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Dương Ngọc L.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là cháu Dương Quang N, sinh ngày 14/9/2018 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không đề nghị anh L cấp dưỡng nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh L kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ tròn 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung : Chị T và anh L cam kết không có không đề nghị giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Anh, chị cam kết không có nợ chung nên Tòa án không xem xét.

5. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số

AA/2018/0006013 ngày 06/10/2020 của chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ,bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội; VKSNDTP Hà Nội
 - Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
 - Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàng Mai, TP Hà Nội;
 - Ủy ban nhân dân phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 11/2018; ngày 18/01/2018);
- Các đương sự
 - Lưu HS+ VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Kim Cúc

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Bình Minh có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Kiều Thị Lan Hương vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong hạn ngày kể từ ngày niêm yết bản án theo luật định./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**